



Ký bởi: BỘ QUỐC PHÒNG

Ngày ký: 06-10-2026 16:04:12 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 155/2026/TT-BQP

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định và hướng dẫn thi đua, khen thưởng trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số 368/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn, tổ chức thi hành Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 03/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định và hướng dẫn thi đua, khen thưởng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định và hướng dẫn nguyên tắc xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng; tổ chức thi đua, danh hiệu thi đua, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định khen thưởng; trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thủ tục điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng, cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng; thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng; công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể; hội đồng thi đua - khen thưởng, tổ thi đua - khen thưởng; khối, cụm thi đua trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân

a) Quân nhân, công nhân, công chức, viên chức quốc phòng và người lao động thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp trong Quân đội;

b) Người làm việc trong tổ chức cơ yếu; người lao động thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ;

c) Quân nhân dự bị; dân quân thường trực, dân quân tự vệ cơ động, cá nhân giữ chức vụ chỉ huy dân quân tự vệ, chiến sĩ dân quân tự vệ trong thời gian tập trung thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng hoặc nhiệm vụ khác được Bộ Quốc phòng giao; học sinh trường thiếu sinh quân;

d) Người Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài có đóng góp đối với sự nghiệp xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Tập thể

a) Bộ Quốc phòng;

b) Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các tổng cục; quân khu, quân chủng, Bộ đội Biên phòng; các bộ tư lệnh; quân đoàn, binh chủng, binh đoàn; học viện, trường sĩ quan, trung tâm, bệnh viện và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng (sau đây viết chung là đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng), Ban Cơ yếu Chính phủ;

c) Cơ quan, đơn vị từ cấp tiểu đội đến bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, sư đoàn và tương đương; trường thiếu sinh quân; tổ chức cơ yếu; ban chỉ huy quân sự cấp xã;

d) Tổ chức thanh niên quân đội, công đoàn quốc phòng, phụ nữ quân đội (sau đây viết chung là tổ chức quần chúng);

đ) Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng, doanh nghiệp thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ;

e) Đơn vị dân quân tự vệ, dự bị động viên trong thời gian tập trung thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng hoặc nhiệm vụ khác được Bộ Quốc phòng giao;

g) Cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức khác, tổ chức kinh tế; hộ gia đình; tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tập thể người nước ngoài; cơ quan, tổ chức nước ngoài và tổ chức quốc tế hoạt động tại Việt Nam có đóng góp đối với sự nghiệp xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Điều 3. Nguyên tắc xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Nguyên tắc xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 5, 7 và Điều 10 Luật số 06/2022/QH15; khoản 1 Điều 1 Luật số 06/2026/QH16.

2. Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, thực hiện nhiệm vụ hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân bị thương điều trị, điều dưỡng ở cơ sở y tế cấp trung đoàn và tương đương trở lên, thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét danh hiệu thi đua.

3. Tổng kết phong trào thi đua hằng năm, chỉ khen thưởng cá nhân cấp trưởng và bí thư cấp ủy khi đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

4. Cá nhân được cử tham gia học tập, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định và đạt kết quả từ loại khá trở lên, kết hợp với kết quả công tác tại đơn vị để bình xét danh hiệu thi đua.

5. Không xét tặng danh hiệu thi đua đối với cá nhân mới tuyển dụng, tập thể mới được thành lập dưới 06 tháng.

6. Khen thưởng trong sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo chuyên đề, cuộc vận động, thực hiện nhiệm vụ, sử dụng hình thức khen thưởng theo thẩm quyền của thủ trưởng đơn vị cấp phát động, tổ chức thực hiện. Trường hợp cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc tiêu biểu, phạm vi ảnh hưởng trong toàn quân, toàn ngành cơ yếu, toàn quốc, đề nghị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 4. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật số 06/2022/QH15.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị dự toán trong Bộ Quốc phòng được trích từ quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị cấp trên trực tiếp, do ngân sách Nhà nước bảo đảm trong dự toán chi quỹ thi đua, khen thưởng hằng năm (mức trích tối đa không quá 20% tổng quỹ lương theo cấp bậc quân hàm, nhóm, ngạch, bậc của quân nhân, công nhân, công chức, viên chức quốc phòng trong biên chế và tiền công được duyệt hằng năm) và nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, cá nhân, tổ chức nước ngoài, nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

3. Quỹ thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp Quân đội, sử dụng nguồn trích lập theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; pháp luật về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước để chi cho nội dung thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; nguồn trích từ quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị cấp trên trực tiếp được ngân sách Nhà nước bảo đảm hằng năm (mức trích tối đa không quá 20% tổng quỹ lương theo cấp bậc quân hàm, nhóm, ngạch, bậc của quân nhân, công nhân, công chức, viên chức quốc phòng được ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên theo quyết định của cấp có thẩm quyền) và nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, cá nhân, tổ chức nước ngoài, nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

4. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thi đua, khen thưởng hằng năm thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước, pháp luật về thi đua, khen thưởng, chế độ tài chính hiện hành.

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng trong Quân đội, Ban Cơ yếu Chính phủ; xem xét, quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Tổng cục Chính trị tham mưu Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả công tác

thi đua, khen thưởng trong Quân đội, Ban Cơ yếu Chính phủ; tham mưu, xem xét đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định.

3. Người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; kịp thời phát hiện, lựa chọn cá nhân, tập thể có thành tích để tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

4. Cơ quan chính trị các cấp, trợ lý chính trị, cán bộ đảm nhiệm công tác thi đua, khen thưởng (nơi không có cơ quan chính trị) tham mưu, đề xuất cấp ủy, chính ủy, chính trị viên, người chỉ huy lãnh đạo, chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả công tác thi đua, khen thưởng; tham mưu, đề xuất xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định.

5. Hội đồng quân nhân phổ biến, hướng dẫn cho quân nhân, công nhân, công chức, viên chức quốc phòng, người lao động trong đơn vị tích cực, tự giác tham gia phong trào thi đua; phối hợp phát hiện, đề xuất cấp có thẩm quyền khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích.

6. Ngành chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức quần chúng phối hợp tuyên truyền, động viên cán bộ, chiến sĩ, công nhân, công chức, viên chức quốc phòng, người lao động, đoàn viên, hội viên tham gia phong trào thi đua.

7. Ban chỉ đạo, cơ quan thường trực ban chỉ đạo phong trào thi đua theo chuyên đề, cuộc vận động, cơ quan thường trực sơ kết, tổng kết nhiệm vụ chủ trì phối hợp với cơ quan chính trị cùng cấp tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành, lĩnh vực phụ trách.

8. Cơ quan chức năng có liên quan phối hợp với cơ quan thường trực hội đồng thi đua - khen thưởng cùng cấp tổng hợp, đánh giá, nhận xét kết quả công tác thi đua, khen thưởng; cho ý kiến về việc tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với cá nhân, tập thể theo phạm vi, nhiệm vụ ngành, lĩnh vực phụ trách.

9. Cơ quan thông tấn, báo chí, xuất bản trong Quân đội tuyên truyền quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn, kết quả công tác thi đua, khen thưởng; thông tin cá nhân, tập thể điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; kịp thời đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA; DANH HIỆU THI ĐUA, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA; ĐẠI HỘI THI ĐUA QUYẾT THẮNG, ĐẠI HỘI THI ĐUA YÊU NƯỚC

Mục 1

TỔ CHỨC THI ĐUA

Điều 6. Tổ chức phong trào thi đua

1. Xây dựng kế hoạch

a) Kế hoạch tổ chức phong trào, đợt thi đua do đơn vị xây dựng.

b) Nội dung kế hoạch gồm: Mục đích, yêu cầu, chủ đề, mục tiêu, phạm vi, đối tượng, thời gian thi đua; nội dung, chỉ tiêu, biện pháp tổ chức thực hiện.

2. Tổ chức phát động thi đua

a) Tổ chức phát động thi đua phù hợp với đặc điểm, tính chất nhiệm vụ, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua của đơn vị.

b) Hình thức: Tổ chức lễ phát động riêng hoặc kết hợp với các hoạt động của đơn vị.

c) Chương trình buổi lễ phát động thi đua: Chào cờ; tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; báo cáo kết quả phong trào, đợt thi đua; phát động phong trào, đợt thi đua mới; trao thưởng (nếu có); thủ trưởng cấp trên phát biểu chỉ đạo (nếu có); lãnh đạo, chỉ huy đơn vị đáp từ; đại diện đơn vị giao ước thi đua; ký kết thi đua; duyệt đội ngũ (khi phát động thi đua ngoài trời); kết thúc buổi lễ.

3. Các biện pháp tổ chức thi đua

a) Tổ chức quán triệt, động viên cá nhân, tập thể tích cực tham gia thi đua;

b) Kiểm tra, theo dõi quá trình tổ chức thi đua, kịp thời phát hiện, điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp với thực tiễn đơn vị;

c) Phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua.

4. Sơ kết, tổng kết thi đua

Quá trình tổ chức phong trào thi đua hoặc đợt thi đua, các cơ quan, đơn vị tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thi đua, lựa chọn cá nhân, tập thể xuất sắc tiêu biểu để biểu dương, khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 7. Thời gian tổ chức thi đua, bình xét khen thưởng

1. Cơ quan, đơn vị tổ chức thi đua và xét tặng danh hiệu thi đua hằng năm theo năm tự nhiên.

2. Học viện, trường sĩ quan, trường đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, đơn vị quản lý lưu học sinh quân sự tổ chức thi đua và bình xét danh hiệu thi đua hằng năm đối với cá nhân, tập thể thuộc quyền thống nhất với thời gian bình xét, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên và cán bộ, quân nhân chuyên nghiệp; đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng” theo năm tự nhiên.

3. Thời gian tổ chức thi đua, sơ kết, tổng kết, bình xét khen thưởng phong trào thi đua theo chuyên đề thực hiện theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp phát động, tổ chức thi đua.

Điều 8. Báo cáo, thông báo kết quả thi đua

1. Hình thức: Văn bản hoặc hình thức khác; chú trọng sử dụng hệ thống thiết chế văn hóa, truyền thanh nội bộ để thông báo kịp thời kết quả thi đua.

2. Nội dung: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện; kết quả thực hiện mục tiêu, nội dung, chỉ tiêu thi đua, nêu rõ cá nhân, tập thể tiêu biểu,

mô hình mới, cách làm sáng tạo, hiệu quả trong phong trào, đợt thi đua; kết quả công tác khen thưởng; hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân; phương hướng, nội dung công tác thi đua, khen thưởng.

3. Thời gian báo cáo và thông báo kết quả thi đua, khen thưởng

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Quốc phòng báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương và thông báo kết quả công tác thi đua, khen thưởng đến đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ mỗi năm 02 lần (6 tháng đầu năm, trước ngày 15 tháng 7; cả năm, trước ngày 31 tháng 12).

b) Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Quốc phòng (qua Cục Tuyên huấn) và thông báo cho đơn vị trực thuộc mỗi năm 02 lần (6 tháng đầu năm, trước ngày 15 tháng 6; cả năm, trước ngày 30 tháng 11).

c) Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, sư đoàn và tương đương báo cáo cấp trên trực tiếp và thông báo cho đơn vị trực thuộc mỗi quý 01 lần (quý 1 và quý 3, trước ngày 25 tháng cuối quý; quý 2 và quý 4, lồng ghép với báo cáo 6 tháng và cả năm, trước ngày 10 tháng 6 và ngày 15 tháng 11).

d) Đơn vị cấp lữ đoàn, trung đoàn và tương đương báo cáo cấp trên trực tiếp và thông báo cho đơn vị trực thuộc mỗi tháng 01 lần, trước ngày 30 hằng tháng (6 tháng, trước ngày 01 tháng 6; cả năm, trước ngày 01 tháng 11).

đ) Đơn vị cấp tiểu đoàn và tương đương, ban chỉ huy quân sự cấp xã báo cáo cấp trên trực tiếp và thông báo cho đơn vị trực thuộc hằng tuần.

e) Đơn vị cấp đại đội và tương đương báo cáo cấp trên trực tiếp và thông báo trong đơn vị hằng ngày.

g) Đối với đơn vị cấp lữ đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội và tương đương đóng quân phân tán, thực hiện nhiệm vụ có tính chất đặc thù không có điều kiện thực hiện theo quy định tại các điểm d, đ và e khoản này, căn cứ đặc điểm tình hình, điều kiện của đơn vị, thủ trưởng đơn vị cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng quy định thời gian báo cáo, thông báo kết quả thi đua, khen thưởng.

h) Báo cáo, thông báo kết quả thi đua theo đợt, theo chuyên đề thực hiện ngay sau khi kết thúc đợt thi đua hoặc sơ kết, tổng kết thi đua.

i) Trường hợp lập được thành tích xuất sắc đợt xuất báo cáo cấp trên trực tiếp và thông báo ngay cho đơn vị để kịp thời khen thưởng, tuyên dương.

Mục 2

DANH HIỆU THI ĐUA, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 9. Các danh hiệu thi đua

Thực hiện theo quy định tại các Điều 19, 20, 32 và Điều 81 Luật số 06/2022/QH15. Cụ thể như sau:

1. Đối với cá nhân

- a) “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”;
- b) “Chiến sĩ thi đua toàn quân”;

- c) “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;
- d) “Chiến sĩ tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”.

2. Đối với tập thể

- a) “Cờ thi đua của Chính phủ”;
- b) “Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng”;
- c) Cờ thi đua của Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ;
- d) “Đơn vị Quyết thắng”, “Tập thể lao động xuất sắc”;
- đ) “Đơn vị tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”;
- e) Đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”;
- g) “Đơn vị huấn luyện giỏi”;
- h) “Đơn vị văn hóa tiêu biểu”.

3. Ngoài các danh hiệu thi đua quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, các cơ quan, đơn vị, các ngành, các tổ chức quần chúng có thể thực hiện các hình thức khen thưởng, tôn vinh khác nhằm động viên cá nhân, tập thể có thành tích và thúc đẩy phong trào thi đua, phù hợp với nguyên tắc của pháp luật về thi đua, khen thưởng và báo cáo theo quy định.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Luật số 06/2026/QH16.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc của sáng kiến; xem xét, công nhận phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc của nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; công nhận sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quân”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quân” để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Luật số 06/2026/QH16.

2. Việc xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng của sáng kiến; xem xét, công nhận phạm vi ảnh hưởng của nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xem xét, công nhận sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được thực hiện theo phân cấp đề nghị khen thưởng từ đơn vị cơ sở đến cấp Bộ Quốc phòng.

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” để tặng hằng năm cho cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Luật số 06/2026/QH16.

2. Việc công nhận sáng kiến, sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu để xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” theo quy định tại điểm b và điểm d khoản 7 Điều 1 Luật số 06/2026/QH16 do đơn vị cấp trung đoàn và tương đương trở lên thực hiện.

Điều 13. Danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” để tặng hằng năm cho quân nhân, công nhân, công chức, viên chức quốc phòng; dân quân thường trực, dân quân tự vệ cơ động đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội;

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; 100% nội dung thi hoặc kiểm tra đạt yêu cầu, trong đó có 75% trở lên đạt khá, giỏi;

c) Có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; tích cực tham gia phong trào thi đua, đóng góp vào việc hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng hằng năm cho lao động hợp đồng; người làm việc trong tổ chức cơ yếu, người lao động thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 14. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 25 Luật số 06/2022/QH15.

2. Đối tượng tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” bao gồm:

a) Tập thể đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ.

b) Tập thể bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn, cục, vụ, viện và tương đương; phòng, khoa có tổ chức đảng là đảng bộ cơ sở; hệ, tiểu đoàn quản lý học viên thuộc học viện, trường sĩ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Điều 15. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng” để tặng hằng năm cho tập thể trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Dẫn đầu phong trào thi đua của khối, cụm thi đua do Bộ Quốc phòng tổ chức;

b) Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; có nhân tố mới, mô hình mới, hiệu quả. Nếu là đơn vị sản xuất, kinh doanh phải thực hiện tốt các quy định của pháp luật, nghĩa vụ đối với Nhà nước và Bộ Quốc phòng;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và cải cách hành chính.

d) Nội bộ đoàn kết; triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội. Tổ chức đảng đạt tiêu chuẩn hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng” để tặng hằng năm cho tập thể bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn, cục, vụ, viện và tương đương; phòng, khoa có tổ chức đảng là đảng bộ cơ sở; hệ, tiểu đoàn quản lý học viên thuộc các học viện, trường sĩ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Dẫn đầu phong trào thi đua của khối, cụm thi đua do đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ tổ chức;

b) Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; có nhân tố mới, mô hình mới sáng tạo, hiệu quả. Nếu là đơn vị sản xuất, kinh doanh phải thực hiện tốt các quy định của pháp luật, nghĩa vụ đối với Nhà nước và Bộ Quốc phòng;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và cải cách hành chính.

d) Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực và các tệ nạn xã hội. Tổ chức đảng, tổ chức quần chúng (nếu có) đạt tiêu chuẩn hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

3. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng” để tặng cho tập thể thuộc đối tượng quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này, tiêu biểu xuất sắc trong hội thi, hội thao, hội diễn, diễn tập hoặc khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, cuộc vận động do Bộ Quốc phòng phát động, triển khai có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên.

Điều 16. Danh hiệu Cờ thi đua của Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ

1. Danh hiệu Cờ thi đua của Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ để tặng hằng năm cho tập thể bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn, cục, vụ, viện và tương đương; tổ chức cơ yếu; phòng, khoa có tổ chức đảng là đảng bộ cơ sở; phòng, khoa, hệ, tiểu đoàn quản lý học viên trực thuộc học viện, trường sĩ quan, trường đại học, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tiêu biểu trong phong trào thi đua của khối, cụm thi đua do đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ tổ chức;

b) Hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; có nhân tố mới, mô hình mới sáng tạo, hiệu quả. Nếu là đơn vị sản xuất, kinh doanh phải thực hiện tốt các quy định của pháp luật, nghĩa vụ đối với Nhà nước và Bộ Quốc phòng;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và cải cách hành chính.

d) Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực và các tệ nạn xã hội. Tổ chức đảng, tổ chức quần chúng (nếu có) đạt tiêu chuẩn hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

2. Danh hiệu Cờ thi đua của Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ để tặng cho tập thể thuộc đối

tượng quy định tại khoản 1 Điều này, có thành tích xuất sắc trong hội thi, hội thao, hội diễn, diễn tập hoặc khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, cuộc vận động do đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ phát động, triển khai có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên.

Điều 17. Danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng”, “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng” để tặng hằng năm cho tập thể cấp lữ đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội, phòng, khoa, ban và tương đương, đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- b) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;
- c) Có 100% cá nhân hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có từ 85% trở lên hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- d) Hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và cải cách hành chính.
- đ) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;
- e) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội. Tổ chức đảng, tổ chức quần chúng (nếu có) đạt tiêu chuẩn hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” để tặng hằng năm cho tập thể cấp nhà máy, phân xưởng, xí nghiệp, đội và tương đương thuộc các đơn vị, doanh nghiệp, đoàn kinh tế - quốc phòng; cục, vụ, viện, phòng, khoa và tương đương thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ, đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 18. Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” để tặng hằng năm cho tập thể cấp tiểu đoàn, đại đội, trung đội, tiểu đội, phòng, khoa, ban và tương đương, đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;
- c) Có 100% nội dung thi hoặc kiểm tra đạt yêu cầu trở lên, trong đó có từ 75% trở lên đạt khá, giỏi;
- d) Hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và cải cách hành chính.

đ) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội; không có cá nhân vi phạm pháp luật hoặc vi phạm kỷ luật nghiêm trọng. Tổ chức đảng, tổ chức quần chúng (nếu có) đạt tiêu chuẩn hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” để tặng hằng năm cho tập thể cấp xí nghiệp, phân xưởng, đội, tổ hoặc tương đương thuộc các đơn vị, doanh nghiệp, đoàn kinh tế - quốc phòng; phòng, khoa và tương đương thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ, đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 19. Danh hiệu Đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”

Danh hiệu Đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu” để tặng hằng năm cho tập thể bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội; cục, vụ, viện và tương đương; cấp phòng, khoa, ban và tương đương thuộc cơ quan sư đoàn, lữ đoàn, học viện, nhà trường, bệnh viện; cấp phòng, phân xưởng, nhà máy, xí nghiệp, công ty và tương đương thuộc các binh đoàn, tổng công ty, đạt các tiêu chuẩn xây dựng Đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”.

Điều 20. Danh hiệu “Đơn vị huấn luyện giỏi”

Danh hiệu “Đơn vị huấn luyện giỏi” để tặng hằng năm cho tập thể cấp lữ đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội và tương đương được biên chế đủ quân, thực hiện nhiệm vụ huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, đạt các tiêu chuẩn “Đơn vị huấn luyện giỏi”.

Điều 21. Danh hiệu “Đơn vị văn hóa tiêu biểu”

Danh hiệu “Đơn vị văn hóa tiêu biểu” để tặng hằng năm cho tập thể cấp lữ đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội, phòng, khoa, ban và tương đương, đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua, các cuộc vận động;
2. Đời sống văn hóa, tinh thần tốt đẹp, lành mạnh, phong phú;
3. Doanh trại chính quy, xanh, sạch, đẹp;
4. Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội; xây dựng và thực hiện tốt mối quan hệ đoàn kết trong đơn vị và đoàn kết quân dân.

Mục 3

ĐẠI HỘI THI ĐUA QUYẾT THẮNG, ĐẠI HỘI THI ĐUA YÊU NƯỚC

Điều 22. Phạm vi, thời gian tổ chức đại hội

1. Đại hội Thi đua Quyết thắng tổ chức ở đơn vị cấp trung đoàn và tương đương đến cấp toàn quân.
2. Ban Cơ yếu Chính phủ tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước.
3. Đại hội Thi đua Quyết thắng, Đại hội Thi đua yêu nước tổ chức định kỳ 05 năm một lần.

Điều 23. Nội dung đại hội

1. Tổng kết, đánh giá kết quả, rút ra nguyên nhân, kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức phong trào thi đua Quyết thắng, phong trào thi đua yêu nước và công tác thi đua, khen thưởng 05 năm trước; xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng và phong trào thi đua Quyết thắng, phong trào thi đua yêu nước 05 năm tiếp theo.

2. Tôn vinh, khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua Quyết thắng, phong trào thi đua yêu nước; tuyên truyền, cổ vũ, động viên cá nhân, tập thể học tập, làm theo điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 24. Các hình thức khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 76 Luật số 06/2022/QH15. Cụ thể như sau:

1. Huân chương;
2. Huy chương;
3. Danh hiệu vinh dự nhà nước;
4. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”;
5. Kỷ niệm chương;
6. Bằng khen;
7. Giấy khen.

Điều 25. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam”

Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam” để tặng cho cá nhân:

1. Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; lãnh đạo ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, lãnh đạo tỉnh, thành phố; người Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài có nhiều công lao, đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển Quân đội nhân dân Việt Nam;
2. Quân nhân, công chức, công nhân, viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ khi được nghỉ chế độ hoặc chuyển ngành, có đủ 25 năm trở lên đối với nam, 20 năm trở lên đối với nữ công tác trong Quân đội, Ban Cơ yếu Chính phủ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, không bị kỷ luật từ hình thức giáng cấp bậc quân hàm, hạ bậc lương trở lên.

Điều 26. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp vũ trang quần chúng”

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 93/2024/TT-BQP ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng về Dân quân tự vệ được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 62/2025/TT-BQP.

Điều 27. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp cơ yếu Việt Nam”

Thực hiện theo Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp cơ yếu Việt Nam" ban hành kèm theo Thông tư số 132/2013/TT-BQP ngày 05 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 28. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc”

Thực hiện theo Thông tư số 109/2025/TT-BQP ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc”.

Điều 29. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng”

1. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề, đợt thi đua, cuộc vận động do Bộ Quốc phòng phát động, triển khai thực hiện.

b) Đạt kết quả xuất sắc trong hội thi, hội thao, hội diễn, diễn tập; sơ kết, tổng kết nhiệm vụ do Bộ Quốc phòng tổ chức.

c) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, ngành Cơ yếu.

d) Có đóng góp tích cực đối với quốc phòng, an ninh, cơ yếu, đối ngoại quốc phòng, phát triển kinh tế - xã hội; ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo.

đ) Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có từ 02 năm liên tục trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng” để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề, đợt thi đua, cuộc vận động do Bộ Quốc phòng phát động, triển khai thực hiện.

b) Đạt kết quả xuất sắc trong hội thi, hội thao, hội diễn, diễn tập; sơ kết, tổng kết nhiệm vụ do Bộ Quốc phòng tổ chức.

c) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, ngành Cơ yếu.

d) Có đóng góp tích cực đối với quốc phòng, an ninh, cơ yếu, đối ngoại quốc phòng, phát triển kinh tế - xã hội; ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo.

đ) Có 02 năm liên tục trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các phong trào thi đua, dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

3. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng” để tặng cho cá nhân, tập thể thuộc các ban, bộ, ngành, tỉnh, thành phố, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức khác, tổ chức kinh tế, hộ gia đình chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, có nhiều đóng góp vào quá trình xây dựng, phát triển Quân đội nhân dân Việt Nam, Cơ yếu, được cấp có thẩm quyền công nhận, đề nghị.

4. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng” để tặng cho người Việt Nam đang làm việc cho các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động tại Việt Nam; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài có nhiều đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển Quân đội nhân dân Việt Nam, Cơ yếu.

Điều 30. Bằng khen của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ

1. Bằng khen của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ để tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề, đợt thi đua, cuộc vận động do cấp trên hoặc đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ phát động, triển khai thực hiện.

b) Đạt kết quả xuất sắc trong hội thi, hội thao, hội diễn, diễn tập; sơ kết, tổng kết nhiệm vụ do cấp trên hoặc đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ phát động, triển khai thực hiện.

c) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ.

2. Bằng khen của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ để tặng cho tập thể chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề, đợt thi đua, cuộc vận động do cấp trên hoặc đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ phát động, triển khai thực hiện.

b) Đạt kết quả xuất sắc trong hội thi, hội thao, hội diễn, diễn tập; sơ kết, tổng kết nhiệm vụ do cấp trên hoặc đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ phát động, triển khai thực hiện.

c) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ.

3. Bằng khen của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ để tặng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình có đóng góp đối với quốc phòng, an ninh, cơ yếu, đối ngoại quốc phòng, phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính, công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo, được cấp có thẩm quyền công nhận, đề nghị.

Điều 31. Giấy khen của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ

1. Giấy khen của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ để tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề, đợt thi đua, cuộc vận động do cấp trên hoặc đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ phát động, triển khai thực hiện.

b) Lập được thành tích trong thực hiện nhiệm vụ hoặc thành tích đột xuất.

2. Giấy khen của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ để tặng cho tập thể chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề, cuộc vận động, thực hiện nhiệm vụ do cấp trên hoặc đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ phát động, triển khai thực hiện.

b) Lập được thành tích trong thực hiện nhiệm vụ hoặc thành tích đột xuất.

3. Giấy khen của Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và tương đương trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ để tặng cho cá nhân, tập thể có thành tích, đóng góp đối với quốc phòng, an ninh, cơ yếu, đối ngoại quốc phòng, phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính, công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo, được cấp có thẩm quyền công nhận, đề nghị.

Điều 32. Giấy khen của thủ trưởng bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn, cục, vụ, viện và tương đương, ban chỉ huy quân sự cấp xã

1. Giấy khen của thủ trưởng bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn, cục, vụ, viện và tương đương, ban chỉ huy quân sự cấp xã để tặng

cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề, đợt thi đua, cuộc vận động do cấp trên hoặc đơn vị phát động, triển khai thực hiện.

b) Lập được thành tích trong thực hiện nhiệm vụ hoặc thành tích đột xuất.

2. Giấy khen của thủ trưởng bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn, cục, vụ, viện và tương đương để tặng cho tập thể chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua theo chuyên đề, đợt thi đua, cuộc vận động do cấp trên hoặc đơn vị phát động, triển khai thực hiện.

b) Lập được thành tích trong thực hiện nhiệm vụ hoặc thành tích đột xuất.

3. Giấy khen của thủ trưởng bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn, cục, vụ, viện và tương đương để tặng cho cá nhân, tập thể có thành tích, đóng góp đối với quốc phòng, an ninh, cơ yếu, đối ngoại quốc phòng, phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính, công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo, được cấp có thẩm quyền công nhận, đề nghị.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG; TRAO TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 33. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

1. Quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quân”.

2. Quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ tiên tiến” đối với chỉ huy đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ và cán bộ cấp tướng.

3. Quyết định tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng”.

4. Quyết định tặng Kỷ niệm chương của Bộ Quốc phòng.

5. Quyết định tặng hoặc truy tặng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng”.

6. Quyết định công nhận danh hiệu Đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu” cho bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, sư đoàn và tương đương; lữ đoàn, trung đoàn binh chủng và tương đương thuộc quân đoàn, binh chủng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh 86, Bộ Tư lệnh Pháo binh - Tên lửa; cấp cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, tổng cục, quân khu, quân chủng, Bộ đội Biên phòng, quân đoàn, binh chủng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; học viện, trường thuộc Bộ Quốc phòng và thuộc tổng cục, quân khu, quân chủng, Bộ đội Biên phòng, quân

đoàn, binh chủng, Bộ Tư lệnh Pháo binh - Tên lửa; binh đoàn, tổng công ty; bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng, Viện Y học cổ truyền Quân đội.

7. Quyết định tặng danh hiệu “Đơn vị huấn luyện giỏi” cho lữ đoàn, trung đoàn và tương đương.

Điều 34. Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam

1. Quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ tiên tiến”, “Lao động tiên tiến” cho cá nhân thuộc quyền có chức vụ cao nhất đến cục trưởng và tương đương (không áp dụng đối với cán bộ cấp tướng); quân hàm cao nhất đến đại tá hoặc có mức lương tương đương đại tá.

2. Quyết định tặng Bằng khen, Giấy khen cho cá nhân có chức vụ cao nhất đến cục trưởng và tương đương; quân hàm cao nhất đến trung tướng.

3. Quyết định tặng danh hiệu Cờ thi đua của Bộ Tổng Tham mưu, Cờ thi đua của Tổng cục Chính trị cho cục, viện và tương đương; danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng”, “Tập thể lao động xuất sắc” cho tập thể thuộc quyền cao nhất đến cấp lữ đoàn, phòng, khoa và tương đương; danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” cho tập thể thuộc quyền cấp tiểu đoàn, phòng, khoa và tương đương; danh hiệu “Đơn vị văn hóa tiêu biểu” cho tập thể thuộc quyền cấp lữ đoàn, đoàn, tiểu đoàn, phòng, khoa và tương đương; danh hiệu “Đơn vị huấn luyện giỏi” cho tập thể thuộc quyền cấp tiểu đoàn và tương đương.

4. Quyết định tặng Bằng khen, Giấy khen cho bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, sư đoàn, cục, viện và tương đương.

5. Quyết định công nhận danh hiệu Đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu” cho tập thể thuộc quyền đến cấp lữ đoàn, công ty, nhà máy và tương đương.

Điều 35. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ

1. Quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ tiên tiến”, “Lao động tiên tiến” cho cá nhân thuộc quyền có chức vụ cao nhất đến chỉ huy trưởng, chính ủy bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, sư đoàn trưởng, chính ủy sư đoàn, cục trưởng và tương đương (không áp dụng đối với cán bộ cấp tướng); quân hàm cao nhất đến đại tá hoặc có mức lương tương đương đại tá.

2. Quyết định tặng Bằng khen, Giấy khen cho cá nhân có chức vụ cao nhất đến chỉ huy trưởng, chính ủy bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, sư đoàn trưởng, chính ủy sư đoàn, cục trưởng và tương đương; quân hàm cao nhất đến đại tá hoặc có mức lương tương đương đại tá.

3. Quyết định tặng danh hiệu Cờ thi đua của đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ cho tập thể cao nhất đến bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, sư đoàn, cục, viện và tương đương; danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng”, “Tập thể lao động xuất sắc” cho tập thể thuộc quyền cao nhất đến cấp

lữ đoàn, trung đoàn, phòng, khoa và tương đương; danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” cho tập thể thuộc quyền cao nhất đến cấp tiểu đoàn, phòng, khoa và tương đương; danh hiệu “Đơn vị văn hóa tiêu biểu” cho tập thể thuộc quyền cấp lữ đoàn, trung đoàn, phòng, khoa và tương đương; danh hiệu “Đơn vị huấn luyện giỏi” cho tập thể thuộc quyền cao nhất đến cấp tiểu đoàn và tương đương.

4. Quyết định tặng Bằng khen, Giấy khen cho tập thể cao nhất đến bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, sư đoàn, cục, viện và tương đương.

5. Quyết định công nhận danh hiệu Đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu” cho tập thể thuộc quyền cao nhất đến cấp lữ đoàn, trung đoàn và tương đương (lữ đoàn, trung đoàn binh chủng và tương đương thuộc quân đoàn, binh chủng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh 86, Bộ Tư lệnh Pháo binh - Tên lửa thực hiện theo khoản 6 Điều 33 Thông tư này).

Điều 36. Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Quân ủy Trung ương, Chánh án Tòa án Quân sự Trung ương, Viện trưởng Viện Kiểm sát Quân sự Trung ương, Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng; Cục trưởng, Vụ trưởng và tương đương

1. Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Quân ủy Trung ương, Chánh án Tòa án Quân sự Trung ương, Viện trưởng Viện Kiểm sát Quân sự Trung ương, Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng

a) Quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ tiên tiến”, “Lao động tiên tiến” cho cá nhân thuộc quyền có chức vụ cao nhất đến trưởng ban; quân hàm cao nhất đến thượng tá hoặc có mức lương tương đương thượng tá.

b) Quyết định tặng Giấy khen cho cá nhân có chức vụ cao nhất đến trưởng phòng và tương đương; quân hàm cao nhất đến đại tá hoặc có mức lương tương đương đại tá.

c) Quyết định tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” cho tập thể thuộc quyền cao nhất đến cấp ban và tương đương.

d) Quyết định tặng Giấy khen cho tập thể cao nhất đến cấp phòng, ban và tương đương.

2. Cục trưởng, Vụ trưởng và tương đương

a) Quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ tiên tiến”, “Lao động tiên tiến” cho cá nhân thuộc quyền có chức vụ cao nhất đến trưởng ban; sĩ quan có quân hàm cao nhất đến trung tá, quân nhân chuyên nghiệp có quân hàm cao nhất đến thượng tá hoặc có mức lương tương đương thượng tá.

b) Quyết định tặng Giấy khen cho cá nhân có chức vụ cao nhất đến trưởng phòng và tương đương; quân hàm cao nhất đến đại tá hoặc có mức lương tương đương đại tá.

c) Quyết định tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” cho tập thể thuộc quyền cao nhất đến cấp tiểu đoàn, ban và tương đương.

d) Quyết định tặng Giấy khen cho tập thể cao nhất đến cấp lữ đoàn, phòng, ban và tương đương.

Điều 37. Thủ trưởng bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, sư đoàn và tương đương

1. Quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ tiên tiến”, “Lao động tiên tiến” cho cá nhân thuộc quyền có chức vụ cao nhất đến tiểu đoàn trưởng, chính trị viên tiểu đoàn và tương đương; sĩ quan có quân hàm cao nhất đến trung tá, quân nhân chuyên nghiệp có quân hàm cao nhất đến thượng tá hoặc có mức lương tương đương thượng tá.

2. Quyết định tặng Giấy khen cho cá nhân có chức vụ cao nhất đến chủ nhiệm chính trị bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, sư đoàn và tương đương; quân hàm cao nhất đến đại tá hoặc có mức lương tương đương đại tá.

3. Quyết định tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị văn hóa tiêu biểu” cho tập thể thuộc quyền cao nhất đến cấp tiểu đoàn, ban và tương đương; danh hiệu “Đơn vị huấn luyện giỏi” cho tập thể thuộc quyền cấp đại đội và tương đương.

4. Quyết định tặng Giấy khen cho tập thể cao nhất đến cấp trung đoàn, phòng, khoa, ban và tương đương.

5. Quyết định công nhận danh hiệu Đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu” cho tập thể thuộc quyền cao nhất đến cấp tiểu đoàn và tương đương.

Điều 38. Thủ trưởng lữ đoàn và tương đương

1. Quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ tiên tiến”, “Lao động tiên tiến” cho cá nhân thuộc quyền có chức vụ cao nhất đến đại đội trưởng, chính trị viên đại đội và chức vụ tương đương; sĩ quan có quân hàm cao nhất đến thiếu tá, quân nhân chuyên nghiệp có quân hàm cao nhất đến trung tá hoặc có mức lương tương đương trung tá.

2. Quyết định tặng Giấy khen cho cá nhân có chức vụ cao nhất đến chủ nhiệm chính trị lữ đoàn và tương đương; quân hàm cao nhất đến thượng tá hoặc có mức lương tương đương thượng tá.

3. Quyết định tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” cho tập thể thuộc quyền cao nhất đến cấp đại đội và tương đương; danh hiệu “Đơn vị huấn luyện giỏi”, “Đơn vị văn hóa tiêu biểu” cho tập thể thuộc quyền cấp đại đội và tương đương.

4. Quyết định tặng Giấy khen cho tập thể cao nhất đến cấp tiểu đoàn, phòng, ban và tương đương.

5. Quyết định công nhận danh hiệu Đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu” cho tập thể thuộc quyền đến cấp đại đội và tương đương.

Điều 39. Thủ trưởng trung đoàn và tương đương

1. Quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ tiên tiến”, “Lao động tiên tiến” cho cá nhân thuộc quyền có chức vụ cao nhất đến đại

đội trưởng, chính trị viên đại đội và tương đương; sĩ quan có quân hàm cao nhất đến thiếu tá; quân nhân chuyên nghiệp có quân hàm cao nhất đến trung tá hoặc có mức lương tương đương trung tá.

2. Quyết định tặng Giấy khen cho cá nhân có chức vụ cao nhất đến chủ nhiệm chính trị trung đoàn và tương đương; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp có quân hàm cao nhất đến trung tá hoặc có mức lương tương đương trung tá.

3. Quyết định tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” cho tập thể thuộc quyền cao nhất đến cấp đại đội và tương đương; danh hiệu “Đơn vị huấn luyện giỏi”, “Đơn vị văn hóa tiêu biểu” cho tập thể thuộc quyền cấp đại đội và tương đương.

4. Quyết định tặng Giấy khen cho tập thể cao nhất đến cấp tiểu đoàn, ban và tương đương.

5. Quyết định công nhận danh hiệu Đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu” cho tập thể thuộc quyền cấp đại đội và tương đương.

Điều 40. Thủ trưởng ban chỉ huy quân sự cấp xã

1. Quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” cho dân quân thường trực, dân quân cơ động thuộc quyền.

2. Quyết định tặng Giấy khen cho dân quân tự vệ và hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc lực lượng dự bị động viên.

Điều 41. Thẩm quyền của thủ trưởng đơn vị không có con dấu theo quy định

Đơn vị tương đương cấp sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn nhưng không có con dấu theo quy định, đề nghị thủ trưởng cấp trên trực tiếp ký quyết định khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc quyền.

Điều 42. Trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Thực hiện theo Điều 82 Luật số 06/2022/QH15; Nghị định số 368/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng; Thông tư số 199/2016/TT-BQP ngày 01 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chương V

THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG; THÔNG BÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH, KẾT QUẢ KHEN THƯỞNG; LƯU TRỮ HỒ SƠ KHEN THƯỞNG

Mục 1

THỦ TỤC XÉT, ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 43. Thủ tục xét khen thưởng cấp Bộ Quốc phòng

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng”

a) Cục Tuyên huấn thẩm định hồ sơ, gửi văn bản xin ý kiến các cơ quan chức năng; tổng hợp, báo cáo Ban Thư ký xem xét, đề xuất Cơ quan thường trực Hội đồng.

b) Cơ quan thường trực Hội đồng hợp xem xét, báo cáo Hội đồng.

c) Hội đồng hợp xem xét, bỏ phiếu tín nhiệm.

d) Căn cứ kết quả phiếu tín nhiệm của Hội đồng, Tổng cục Chính trị trình Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương xem xét.

đ) Căn cứ kết luận của Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng”, đề nghị Chính phủ tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

a) Cục Tuyên huấn thẩm định hồ sơ, gửi văn bản xin ý kiến các cơ quan chức năng; tổng hợp, báo cáo Ban Thư ký xem xét, đề xuất Cơ quan thường trực Hội đồng.

b) Cơ quan thường trực Hội đồng hợp xem xét, báo cáo Hội đồng.

c) Hội đồng hợp xem xét, bỏ phiếu tín nhiệm.

d) Căn cứ kết quả phiếu tín nhiệm của Hội đồng, Tổng cục Chính trị trình Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương xem xét.

đ) Căn cứ kết luận của Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quân”

a) Cục Tuyên huấn thẩm định hồ sơ, gửi văn bản xin ý kiến các cơ quan chức năng; tổng hợp, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Quốc phòng xem xét.

b) Căn cứ kết quả xem xét của Hội đồng, Tổng cục Chính trị trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định khen thưởng.

4. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ tiên tiến” đối với cán bộ chỉ huy đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ và cán bộ cấp tướng

Cục Tuyên huấn thẩm định hồ sơ, gửi văn bản xin ý kiến các cơ quan chức năng; tổng hợp, báo cáo Thủ trưởng Tổng cục Chính trị xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xét, quyết định khen thưởng.

5. Khen thưởng huân chương, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”

a) Cục Tuyên huấn thẩm định hồ sơ, gửi văn bản xin ý kiến các cơ quan chức năng; tổng hợp, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Quốc phòng xem xét.

b) Căn cứ kết quả xem xét của Hội đồng, Tổng cục Chính trị trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xét, trình Thủ tướng Chính phủ.

c) Cá nhân, tập thể đề nghị tặng, truy tặng “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập” các hạng, “Huân chương Quân công” các hạng; Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị; cán bộ chỉ huy đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ và cán bộ cấp tướng: Tổng cục Chính trị trình Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương xem xét. Căn cứ kết luận của Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ.

6. Danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”

a) Cục Tuyên huấn thẩm định hồ sơ, gửi văn bản xin ý kiến các cơ quan chức năng; tổng hợp, báo cáo Ban Thư ký xem xét, đề xuất Cơ quan thường trực Hội đồng.

b) Cơ quan thường trực Hội đồng họp xem xét, báo cáo Hội đồng.

c) Hội đồng họp xem xét, bỏ phiếu tín nhiệm.

d) Căn cứ kết quả phiếu tín nhiệm của Hội đồng, Tổng cục Chính trị trình Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương xem xét.

đ) Căn cứ kết luận của Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ.

7. Khen thưởng quá trình cống hiến

a) Cục Tuyên huấn thẩm định hồ sơ, báo cáo Thủ trưởng Tổng cục Chính trị xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xét, trình Thủ tướng Chính phủ.

b) Cá nhân đề nghị tặng, truy tặng “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập” các hạng, “Huân chương Quân công” các hạng; Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị; cán bộ chỉ huy đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ và cán bộ cấp tướng: Tổng cục Chính trị trình Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương xem xét. Căn cứ kết luận của Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ.

8. “Huy chương Quân kỳ Quyết thắng”, “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang”

Cục Tuyên huấn thẩm định hồ sơ, báo cáo Thủ trưởng Tổng cục Chính trị xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xét, trình Thủ tướng Chính phủ.

9. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng”

Cục Tuyên huấn thẩm định hồ sơ, báo cáo Thủ trưởng Tổng cục Chính trị xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xét, quyết định khen thưởng.

10. Kỷ niệm chương

a) Kỷ niệm chương của Bộ Quốc phòng: Cục Tuyên huấn thẩm định hồ sơ, báo cáo Thủ trưởng Tổng cục Chính trị xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xét, quyết định khen thưởng.

b) Kỷ niệm chương của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; kỷ niệm chương của các ban, bộ, ngành, tỉnh, thành phố: Cục Tuyên huấn tổng hợp, báo cáo Thủ trưởng Tổng cục Chính trị xem xét, đề nghị khen thưởng hoặc Tổng cục Chính trị trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xét, đề nghị khen thưởng.

11. Danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”; “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”; “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”; “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”

a) Cơ quan chức năng quản lý nhà nước về một trong các lĩnh vực nêu trên chủ trì tham mưu, thẩm định hồ sơ, thành tích, đề xuất xét khen thưởng; trình Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (qua Cục Tuyên huấn).

b) Cục Tuyên huấn tổng hợp, báo cáo Thủ trưởng Tổng cục Chính trị trình Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương xem xét.

c) Căn cứ kết luận của Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ.

12. Danh hiệu Đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”, “Đơn vị huân luyện giỏi”.

a) Cục Quân huấn - Nhà trường tổng hợp, thẩm định hồ sơ, báo cáo Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (qua Cục Tuyên huấn).

b) Cục Tuyên huấn tổng hợp, báo cáo Thủ trưởng Tổng cục Chính trị trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xét, quyết định công nhận danh hiệu Đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”, tặng danh hiệu “Đơn vị huân luyện giỏi”.

13. Khen thưởng đột xuất

Cục Tuyên huấn chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng thẩm định, báo cáo Thủ trưởng Tổng cục Chính trị xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xét, quyết định khen thưởng hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ.

14. Khen thưởng phong trào thi đua theo chuyên đề, cuộc vận động, sơ kết, tổng kết nhiệm vụ

a) Ban chỉ đạo hoặc cơ quan chủ trì tham mưu phong trào thi đua theo chuyên đề, cuộc vận động, sơ kết, tổng kết nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng xem xét, đề nghị khen thưởng.

b) Trưởng ban chỉ đạo phong trào thi đua theo chuyên đề, cuộc vận động, sơ kết, tổng kết nhiệm vụ trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (qua Cục Tuyên huấn).

c) Cục Tuyên huấn tổng hợp, báo cáo Thủ trưởng Tổng cục Chính trị xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xét, quyết định khen thưởng.

d) Đối với hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, Cục Tuyên huấn báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Quốc phòng xem xét; tổng hợp, báo cáo Thủ trưởng Tổng cục Chính trị xem xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xét, trình Thủ tướng Chính phủ.

15. Khen thưởng trong hội thi, hội thao, hội diễn, diễn tập

a) Ban chỉ đạo hoặc ban tổ chức hội thi, hội thao, hội diễn, diễn tập của Bộ Quốc phòng xem xét, đề nghị khen thưởng.

b) Trưởng ban chỉ đạo hoặc trưởng ban tổ chức hội thi, hội thao, hội diễn, diễn tập xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (qua Cục Tuyên huấn).

c) Cục Tuyên huấn tổng hợp, báo cáo Tổng cục Chính trị xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xét, quyết định khen thưởng.

d) Đối với hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, Cục Tuyên huấn báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Quốc phòng xem xét; tổng hợp, báo cáo Thủ trưởng Tổng cục Chính trị xem xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xét, trình Thủ tướng Chính phủ.

16. Khen thưởng đối với cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể, tổ chức nước ngoài

Cục Tuyên huấn chủ trì, phối hợp với Cục Đối ngoại và các cơ quan chức năng có liên quan thẩm định hồ sơ, thành tích, báo cáo Thủ trưởng Tổng cục Chính trị xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xét, quyết định khen thưởng hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ.

17. Hình thức khen thưởng, giải thưởng của ban, bộ, ngành, tỉnh, thành phố.

a) Cơ quan chức năng quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì thẩm định hồ sơ, thành tích, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (qua Cục Tuyên huấn).

b) Cục Tuyên huấn tổng hợp, báo cáo Thủ trưởng Tổng cục Chính trị xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xét, đề nghị khen thưởng.

Điều 44. Thủ tục xét tặng danh hiệu thi đua ở các cấp

1. Phổ biến đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

2. Tổ chức báo công, bình công: Cá nhân, tập thể báo cáo thành tích tại hội nghị quân nhân, công nhân, công chức, viên chức quốc phòng, người lao động cấp cơ sở hoặc hội nghị công đoàn cơ sở. Hội nghị tiến hành bình xét, đề xuất khen thưởng.

3. Khối, cụm thi đua họp bình xét, suy tôn, đề nghị tặng thưởng danh hiệu thi đua đối với các tập thể trong khối, cụm thi đua.

4. Ban thư ký hội đồng thi đua - khen thưởng tổng hợp, xin ý kiến cơ quan chức năng cùng cấp (nếu có); tổng hợp, báo cáo cơ quan thường trực hội đồng thi đua - khen thưởng cùng cấp.

5. Cơ quan thường trực hội đồng họp xem xét, báo cáo hội đồng thi đua - khen thưởng cùng cấp.

6. Hội đồng thi đua - khen thưởng họp xem xét.

7. Cấp ủy đảng (ban thường vụ đảng ủy) xem xét, quyết nghị.

8. Người chỉ huy hoặc chính ủy, chính trị viên đơn vị quyết định khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

9. Phương pháp tiến hành bầu danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

a) Tổ chức hội nghị quân nhân, công nhân, công chức, viên chức quốc phòng, người lao động cấp cơ sở hoặc hội nghị công đoàn cơ sở bình xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” bằng hình thức bỏ phiếu tín nhiệm. Cá nhân được giới thiệu dự bầu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” báo cáo thành tích. Hội nghị xem xét, bỏ phiếu tín nhiệm. Cán bộ chỉ huy đơn vị các cấp dự bầu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” tại hội nghị quân nhân hoặc hội nghị cán bộ hoặc hội nghị công đoàn cơ sở nơi cán bộ đó tham gia sinh hoạt.

b) Quân số dự hội nghị quân nhân, công nhân, công chức, viên chức quốc phòng, người lao động hoặc hội nghị cán bộ hoặc hội nghị công đoàn cơ sở bỏ phiếu tín nhiệm đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” phải đạt từ 2/3 tổng quân số đang công tác tại đơn vị trở lên. Cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” phải đạt trên 50% số phiếu đồng ý tính trên tổng quân số đang công tác tại đơn vị.

Điều 45. Thủ tục xét, đề nghị khen thưởng huân chương, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng”

1. Cá nhân, tập thể có đủ tiêu chuẩn khen thưởng hình thức nào thì báo cáo thành tích theo tiêu chuẩn quy định đối với hình thức khen thưởng đó; đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét.

2. Ban thư ký hội đồng thi đua - khen thưởng tổng hợp, xin ý kiến cơ quan chức năng cùng cấp (nếu có); tổng hợp, báo cáo cơ quan thường trực hội đồng thi đua - khen thưởng cùng cấp.

3. Cơ quan thường trực hội đồng xem xét, báo cáo hội đồng thi đua - khen thưởng cùng cấp.

4. Hội đồng thi đua - khen thưởng xem xét, cho ý kiến.

5. Cấp ủy đảng (ban thường vụ đảng ủy) xem xét, quyết nghị.

6. Người chỉ huy hoặc chính ủy, chính trị viên đơn vị trình cấp trên trực tiếp.

Điều 46. Thủ tục xét, đề nghị khen thưởng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”

1. Cá nhân, tập thể có đủ tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động” báo cáo thành tích theo tiêu chuẩn quy định đối với hình thức khen thưởng tương ứng; đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét.

2. Ban thư ký hội đồng thi đua - khen thưởng xin ý kiến cơ quan chức năng cùng cấp (nếu có); họp xem xét, báo cáo cơ quan thường trực hội đồng thi đua - khen thưởng.

3. Cơ quan thường trực hội đồng họp xem xét, báo cáo hội đồng thi đua - khen thưởng cùng cấp.

4. Hội đồng thi đua - khen thưởng họp xem xét, bỏ phiếu tín nhiệm.
5. Cấp ủy đảng (ban thường vụ đảng ủy) xem xét, quyết nghị.
6. Người chỉ huy hoặc chính ủy, chính trị viên đơn vị trình cấp trên trực tiếp.

Điều 47. Thủ tục xét, đề nghị khen thưởng đột xuất

1. Cơ quan chính trị, cán bộ chính trị, cán bộ đảm nhiệm công tác thi đua, khen thưởng (nơi không có cơ quan chính trị) thẩm định, báo cáo đề xuất với thủ trưởng đơn vị.

2. Người chỉ huy hoặc chính ủy, chính trị viên đơn vị xem xét, quyết định khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 48. Thủ tục, tuyển trình đề nghị khen thưởng quá trình công hiến

1. Thủ tục

a) Cá nhân báo cáo tóm tắt thành tích, có xác nhận của thủ trưởng đơn vị cấp trình khen thưởng.

b) Cơ quan chính trị thẩm định, báo cáo cấp ủy đảng (ban thường vụ đảng ủy) xem xét, quyết nghị.

c) Người chỉ huy hoặc chính ủy, chính trị viên đơn vị trình cấp trên trực tiếp.

2. Tuyển trình

a) Cá nhân đang công tác đến tuổi nghỉ chuẩn bị hưu, đơn vị trực tiếp quản lý cá nhân đó xem xét, lập hồ sơ trình cấp trên theo hệ thống tổ chức trong Quân đội, Ban Cơ yếu Chính phủ.

b) Cá nhân đã chuyển công tác ra ngoài Quân đội, đơn vị quản lý cá nhân trước khi chuyển ngành chịu trách nhiệm xác nhận quá trình công tác của cá nhân đó về thời gian đảm nhiệm chức vụ trong Quân đội, Ban Cơ yếu Chính phủ để làm cơ sở cho cơ quan, đơn vị quản lý cá nhân đó trước khi nghỉ hưu xem xét, đề nghị khen thưởng.

Điều 49. Thủ tục xét, đề nghị khen thưởng “Huy chương Quân kỳ Quyết thắng”, “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang”; kỷ niệm chương

1. Cá nhân kê khai quá trình công tác, có xác nhận của thủ trưởng đơn vị trình khen thưởng.

2. Cơ quan chính trị, trợ lý chính trị, cán bộ đảm nhiệm công tác thi đua, khen thưởng (nơi không có cơ quan chính trị) thẩm định, báo cáo chính ủy, chính trị viên, người chỉ huy đơn vị.

3. Người chỉ huy hoặc chính ủy, chính trị viên đơn vị xem xét, trình cấp trên trực tiếp.

Điều 50. Thủ tục xét, đề nghị tặng thưởng một số danh hiệu, giải thưởng

Thủ tục xét, đề nghị tặng danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”; “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”; “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 51. Thủ tục xét, đề nghị khen thưởng phong trào thi đua theo chuyên đề, cuộc vận động, đề án, dự án, sơ kết, tổng kết nhiệm vụ; khen thưởng thành tích trong hội thao, hội thi, hội diễn, diễn tập

1. Thủ tục xét khen thưởng phong trào thi đua theo chuyên đề, cuộc vận động, đề án, dự án, sơ kết, tổng kết nhiệm vụ

a) Cơ quan chủ trì tham mưu phong trào thi đua theo chuyên đề, cuộc vận động, đề án, dự án, sơ kết, tổng kết nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với cơ quan chính trị cùng cấp nghiên cứu, tham mưu xây dựng văn bản hướng dẫn khen thưởng (hướng dẫn do cơ quan chính trị ký ban hành); triển khai, đôn đốc thực hiện.

b) Cơ quan chủ trì tham mưu phong trào thi đua theo chuyên đề, cuộc vận động, đề án, dự án, sơ kết, tổng kết nhiệm vụ thẩm định, báo cáo Thủ trưởng đơn vị (qua cơ quan chính trị).

c) Cơ quan chính trị tổng hợp, báo cáo cấp ủy đảng (ban thường vụ đảng ủy) xem xét, quyết nghị.

d) Người chỉ huy hoặc chính ủy, chính trị viên đơn vị quyết định khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

đ) Đối với hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, cơ quan thường trực hội đồng thi đua - khen thưởng báo cáo hội đồng thi đua - khen thưởng cùng cấp xem xét; tổng hợp, báo cáo chỉ huy đơn vị xét, trình cấp trên trực tiếp.

2. Thủ tục xét khen thưởng trong hội thi, hội thao, hội diễn, diễn tập

a) Ban chỉ đạo hoặc ban tổ chức hội thi, hội thao, hội diễn, diễn tập tổng kết, nhận xét, đánh giá kết quả và bình xét, đề nghị khen thưởng.

b) Cơ quan thường trực ban chỉ đạo hoặc ban tổ chức hội thi, hội thao, hội diễn, diễn tập hoặc cơ quan chính trị cùng cấp tổng hợp, thẩm định, báo cáo thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 52. Thủ tục nhận huân chương, huy chương, kỷ niệm chương, danh hiệu, giải thưởng, phần thưởng khác bằng hiện vật của nước ngoài

Cá nhân, tập thể nhận huân chương, huy chương, kỷ niệm chương, danh hiệu, giải thưởng, phần thưởng khác bằng hiện vật của nước ngoài thực hiện theo Quy định số 392-QĐ/TW ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại; Thông tư số 152/2021/TT-BQP ngày 21 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị định số 22/2016/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định về đối ngoại quốc phòng.

Điều 53. Thủ tục xét, đề nghị khen thưởng của các tổ chức quần chúng

1. Tổ chức hội nghị đoàn viên, hội viên phổ biến đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn; bình xét, đề nghị khen thưởng.

2. Cơ quan (trợ lý) hoặc cán bộ phụ trách công tác quần chúng tổng hợp, báo cáo cơ quan chính trị hoặc đồng chí cấp ủy viên phụ trách công tác quần chúng; tổng hợp, báo cáo cấp ủy đảng (ban thường vụ đảng ủy) cùng cấp xem xét, quyết nghị.

3. Người chỉ huy hoặc chính ủy, chính trị viên hoặc thủ trưởng cơ quan chính trị quyết định khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Mục 2

HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 54. Quy định chung về hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 84 và Điều 85 Luật số 06/2022/QH15 và khoản 24 Điều 1 Luật số 06/2026/QH16.

2. Cá nhân đã nghỉ hưu và chuyển hồ sơ về địa phương quản lý từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 trở về trước, việc xem xét, lập hồ sơ đề nghị khen thưởng do cơ quan quân sự địa phương từ cấp xã trở lên thực hiện, trình cấp trên trực tiếp theo hệ thống tổ chức đơn vị trong Quân đội.

3. Cá nhân nghỉ hưu hoặc hy sinh, từ trần sau ngày 31 tháng 12 năm 2023, việc xem xét, lập hồ sơ đề nghị khen thưởng do cơ quan, đơn vị quản lý cá nhân trước khi nghỉ hưu hoặc hy sinh, từ trần thực hiện.

4. Cá nhân đã hy sinh, từ trần, báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng do cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý cá nhân đó trước khi hy sinh, từ trần thực hiện.

5. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước gồm 01 bộ (bản chính) và bản điện tử ký số của hồ sơ khen thưởng (trừ hồ sơ khen thưởng có nội dung bí mật nhà nước, bí mật quân sự).

6. Hồ sơ đề nghị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và ban, bộ, ngành, tỉnh, thành phố khen thưởng: Cơ quan, đơn vị gửi bản điện tử (trừ hồ sơ khen thưởng có nội dung bí mật nhà nước, bí mật quân sự).

7. Tỷ lệ phiếu của hội đồng, tổ thi đua - khen thưởng các cấp khi xét, đề nghị tặng danh hiệu thi đua thực hiện như sau:

a) Đối với danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng”, “Chiến sĩ thi đua toàn quân” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của hội đồng, tổ thi đua - khen thưởng các cấp từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên hội đồng.

b) Đối với danh hiệu Cờ thi đua của đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ; danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng”, “Tập thể lao động xuất sắc”; danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của hội đồng, tổ thi đua - khen thưởng các cấp từ 75% trở lên tính trên tổng số thành viên hội đồng.

c) Đối với danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của hội đồng, tổ thi đua - khen thưởng các cấp từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên hội đồng.

Điều 55. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Chiến sĩ thi đua toàn quân”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Chiến sĩ thi đua toàn quân” xét tặng mỗi năm 01 đợt. Các đơn vị trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trước ngày 15 tháng 3 hằng năm.

2. Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Chiến sĩ thi đua toàn quân” có 01 bộ, gồm:

a) Tờ trình của thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ;

b) Biên bản họp và kết quả phiếu tín nhiệm của hội đồng thi đua - khen thưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ;

c) Báo cáo thành tích của cá nhân, có xác nhận của thủ trưởng đơn vị cấp trình khen. Trong báo cáo thành tích nêu rõ sáng kiến, nhiệm vụ khoa học, công trình khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo hoặc sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

Điều 56. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ tiên tiến”, “Lao động tiên tiến” xét tặng mỗi năm 01 đợt. Các đơn vị trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ tiên tiến” đối với cán bộ chỉ huy đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ và cán bộ cấp tướng trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng có 01 bộ, gồm:

a) Tờ trình của thủ trưởng đơn vị;

b) Biên bản họp và kết quả phiếu tín nhiệm của hội đồng thi đua - khen thưởng đơn vị trình khen thưởng;

c) Báo cáo thành tích của cá nhân, có xác nhận của thủ trưởng đơn vị cấp trình khen thưởng.

Điều 57. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng” xét tặng mỗi năm 01 đợt. Các đơn vị, khối thi đua các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trước ngày 01 tháng 11 hằng năm.

2. Thời điểm đề nghị xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng” đối với tập thể có thành tích xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ Quốc phòng phát động, triển khai thực hiện khi sơ kết, tổng kết thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục Chính trị hoặc hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

3. Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng” có 01 bộ, gồm:

a) Tờ trình của thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ hoặc của khối trưởng khối thi đua các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ;

b) Biên bản họp và kết quả phiếu tín nhiệm của hội đồng thi đua - khen thưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ hoặc biên bản họp đề nghị khen thưởng của khối thi đua các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, có xác nhận của thủ trưởng đơn vị cấp trình khen.

Điều 58. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu Đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”, “Đơn vị huân luyện giỏi”

1. Danh hiệu Đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”, “Đơn vị huân luyện giỏi” xét tặng mỗi năm 01 đợt. Các đơn vị trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (qua Cục Quân huấn - Nhà trường) trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

2. Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu Đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”, “Đơn vị huân luyện giỏi” có 01 bộ, gồm:

a) Tờ trình của thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ;

b) Biên bản họp và kết quả phiếu tín nhiệm của hội đồng thi đua - khen thưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ;

c) Báo cáo thành tích, có xác nhận của thủ trưởng đơn vị cấp trình khen.

Điều 59. Hồ sơ đề nghị khen thưởng huân chương, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng”

1. Thời điểm đề nghị khen thưởng huân chương, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng” về khen thưởng công trạng mỗi năm 03 đợt. Các đơn vị trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trước ngày 15 tháng 3, trước ngày 15 tháng 7 và trước ngày 30 tháng 12 hằng năm.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng huân chương, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng” có 01 bộ, gồm:

a) Tờ trình của thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng (tờ trình và danh sách lập theo từng hình thức, mức hạng đề nghị khen thưởng);

b) Biên bản xét khen thưởng của hội đồng thi đua - khen thưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ;

c) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể, có xác nhận của thủ trưởng đơn vị cấp trình khen thưởng;

d) Ý kiến của ban thường vụ đảng ủy trực thuộc Quân ủy Trung ương, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (đối với “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập” các hạng, “Huân chương Quân công” các hạng; cán bộ chỉ huy đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ và cán bộ cấp tướng). Ý kiến của ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy đối với chỉ huy trưởng, chính ủy bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố.

Điều 60. Hồ sơ đề nghị khen thưởng “Huy chương Quân kỳ Quyết thắng”, “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang”; kỷ niệm chương

1. Thời điểm đề nghị khen thưởng “Huy chương Quân kỳ Quyết thắng”, “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” mỗi năm 03 đợt. Các đơn vị trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trước ngày 15 tháng 3, trước ngày 15 tháng 7 và trước ngày 15 tháng 11 hằng năm.

2. Thời điểm đề nghị tặng kỷ niệm chương, thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục Chính trị hoặc hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng “Huy chương Quân kỳ Quyết thắng”, “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang”, kỷ niệm chương có 01 bộ, gồm:

a) Tờ trình của thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ;

b) Danh sách trích ngang của cá nhân đề nghị tặng thưởng huy chương, kỷ niệm chương (danh sách lập riêng theo từng hình thức, mức hạng);

c) Bản kê khai thành tích đề nghị khen thưởng, có xác nhận của thủ trưởng đơn vị cấp trình khen thưởng.

Điều 61. Hồ sơ đề nghị khen thưởng quá trình cống hiến

1. Thời điểm đề nghị khen thưởng quá trình cống hiến mỗi năm 03 đợt. Các đơn vị trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trước ngày 15 tháng 3, trước ngày 15 tháng 7 và trước ngày 15 tháng 11 hằng năm. Đối với cán bộ chỉ huy đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ và cán bộ cấp tướng thực hiện theo thông báo của cơ quan chức năng.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng quá trình cống hiến có 01 bộ, gồm:

a) Tờ trình của thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ kèm theo danh sách trích ngang tóm tắt quá trình công tác của cá nhân được đề nghị khen thưởng;

b) Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, có xác nhận của thủ trưởng đơn vị cấp trình khen thưởng;

c) Ý kiến của ban thường vụ đảng ủy trực thuộc Quân ủy Trung ương, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (đối với “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập” các hạng, “Huân chương Quân công” các hạng; cán bộ chỉ huy đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ và cán bộ cấp tướng). Ý kiến của ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy đối với chỉ huy trưởng, chính ủy bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố.

Điều 62. Hồ sơ đề nghị phong tặng, truy tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”

1. Thời điểm đề nghị phong tặng, truy tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động” mỗi năm 02 đợt. Các đơn vị trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trước ngày 15 tháng 4 và trước ngày 15 tháng 9 hằng năm.

2. Hồ sơ đề nghị phong tặng, truy tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động” có 01 bộ, gồm:

- a) Tờ trình của thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ;
- b) Biên bản họp và kết quả phiếu tín nhiệm của hội đồng thi đua - khen thưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ;
- c) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể, có xác nhận của thủ trưởng đơn vị cấp trình khen thưởng;
- d) Ý kiến của ban thường vụ đảng ủy trực thuộc Quân ủy Trung ương, Thường vụ Đảng ủy Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

Điều 63. Hồ sơ đề nghị tặng một số danh hiệu, giải thưởng

Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”; “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”; “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” và “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 64. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản

1. Các trường hợp xét khen thưởng theo thủ tục đơn giản được thực hiện theo quy định tại Điều 85 Luật số 06/2022/QH15 và khoản 25 Điều 1 Luật số 06/2026/QH16.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng có 01 bộ, gồm:

- a) Tờ trình của thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ;
- b) Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể, có xác nhận của thủ trưởng đơn vị trình khen thưởng.

Điều 65. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể, tổ chức nước ngoài

1. Việc lập hồ sơ đề nghị khen thưởng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể, tổ chức nước ngoài do đơn vị cấp trình khen thưởng thực hiện.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng có 01 bộ, gồm:

- a) Tờ trình của thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ;

b) Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể, tổ chức nước ngoài (do đơn vị trình khen thưởng thực hiện);

c) Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về nghĩa vụ thực hiện đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật (nếu có).

Mục 3

THÔNG BÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH, KẾT QUẢ KHEN THƯỞNG; LƯU TRỮ HỒ SƠ KHEN THƯỞNG

Điều 66. Thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng

1. Trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị khen thưởng, Cục Tuyên huấn thông báo bằng văn bản đến đơn vị trình khen thưởng.

2. Sau khi nhận được quyết định và hiện vật khen thưởng của cấp có thẩm quyền, trong thời hạn 07 ngày làm việc, Cục Tuyên huấn sao quyết định, gửi hiện vật khen thưởng đến đơn vị trình khen thưởng.

3. Sau khi nhận được quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền, trong thời hạn 07 ngày làm việc, đơn vị trình khen thưởng thông báo cho cá nhân, tập thể được khen thưởng.

Điều 67. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Các cơ quan, đơn vị lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cá nhân, tập thể thuộc phạm vi quản lý của cấp mình theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan đảm nhiệm công tác thi đua, khen thưởng áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hiện đại hóa quản lý công tác thi đua, khen thưởng; xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu khen thưởng phục vụ cho việc theo dõi, tổng hợp, nghiên cứu, tra cứu, xác nhận thông tin, giải quyết đơn, thư.

Chương VI

THỦ TỤC ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG, CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG; THỦ TỤC HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG, THU HỒI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG VÀ TIỀN THƯỞNG

Điều 68. Thủ tục điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và thủ trưởng đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ

1. Thủ tục đề nghị điều chỉnh thông tin

a) Cá nhân, tập thể có thông tin bị sai lệch trong quyết định khen thưởng thông báo và gửi lại bằng gốc đã in theo quyết định khen thưởng cho đơn vị đã trình khen cho cá nhân, tập thể.

b) Cơ quan tiếp nhận thông tin thực hiện tiếp nhận, tổng hợp các thông tin có liên quan do cá nhân, tập thể cung cấp, rà soát, báo cáo theo phân cấp đến cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh thông tin (cấp đã ban hành quyết định khen thưởng) và gửi kết quả (bằng đã được điều chỉnh thông tin) cho cá nhân, tập thể được khen trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ thông tin có liên quan.

c) Trường hợp đề nghị điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, cơ quan tiếp nhận thông tin lập hồ sơ, báo cáo theo phân cấp; đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (qua Cục Tuyên huấn) trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ thông tin có liên quan do cá nhân, tập thể cung cấp.

d) Cục Tuyên huấn tổng hợp, đối chiếu với hồ sơ lưu, báo cáo Thủ trưởng Tổng cục Chính trị trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ.

đ) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan, Cục Tuyên huấn có văn bản đề nghị đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn xem xét, điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng quy định tại điểm này.

e) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả điều chỉnh thông tin trong quyết định khen thưởng, Cục Tuyên huấn thông báo, trả kết quả đến đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ để thông báo, trả kết quả (bằng đã được điều chỉnh thông tin) cho cá nhân, tập thể.

2. Hồ sơ đề nghị có 01 bộ, gồm:

a) Văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng của tập thể hoặc cá nhân (Mẫu số 1.1 và 1.2 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Tờ trình đề nghị điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng (Mẫu số 1.3 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này);

c) Danh sách đề nghị điều chỉnh thông tin trong quyết định khen thưởng (Mẫu số 1.4 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này);

d) Bằng đã in theo quyết định khen thưởng;

đ) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Điều 69. Thủ tục, hồ sơ cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và thủ trưởng đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ

1. Trình tự thực hiện

a) Cá nhân, tập thể có nhu cầu cấp lại hiện vật khen thưởng (bị hư hỏng, thất lạc vì nguyên nhân khách quan như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn) hoặc cấp đổi hiện vật khen thưởng (bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng hoặc bị in sai bằng) thông báo, cung cấp thông tin đến đơn vị đã đề nghị khen cho cá nhân,

tập thể trước đây (sau đây gọi là đơn vị tiếp nhận thông tin), kèm theo hiện vật khen thưởng bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng hoặc bị in sai bằng (trong trường hợp đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng).

b) Trường hợp đơn vị tiếp nhận thông tin đã giải thể, sáp nhập thì đơn vị tiếp nhận thông tin là đơn vị cấp trên hoặc đơn vị kế thừa nhiệm vụ của đơn vị đã sáp nhập, giải thể.

c) Đơn vị tiếp nhận thông tin xem xét, lập hồ sơ, báo cáo, đề nghị theo phân cấp đến cơ quan chuyên trách tham mưu về công tác thi đua, khen thưởng của cấp có thẩm quyền ban hành quyết định khen thưởng đối với hiện vật khen thưởng được đề nghị cấp đổi, cấp lại (sau đây gọi là cấp có thẩm quyền khen thưởng).

d) Cơ quan chuyên trách tham mưu về công tác thi đua, khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng xem xét hồ sơ, đối chiếu với hồ sơ lưu, báo cáo, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng xem xét, quyết định cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng.

đ) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị đơn vị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

e) Trường hợp cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ gửi hồ sơ đến Cục Tuyên huấn.

g) Cục Tuyên huấn tiếp nhận hồ sơ, đối chiếu với hồ sơ lưu, tổng hợp, xác nhận, cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng cho cá nhân, tập thể.

2. Phương thức gửi hồ sơ đề nghị

a) Qua đường quân bưu;

b) Trên Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành của Bộ Quốc phòng.

3. Thời hạn

a) Thời hạn các cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền khen của cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng là 15 ngày làm việc; bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn và tương đương là 10 ngày làm việc tính từ ngày cơ quan tiếp nhận thông tin nhận được đầy đủ các thông tin, tài liệu liên quan để lập hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng.

b) Thời hạn thực hiện thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng là 35 ngày làm việc. Cụ thể như sau:

Thời gian đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ hoàn thiện hồ sơ, đề nghị cấp đổi, cấp lại là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan để xem xét, lập hồ sơ đề nghị;

Thời gian Cục Tuyên huấn rà soát, đối chiếu với hồ sơ lưu, xác nhận, cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng cho cá nhân, tập thể là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ.

Thời gian đề cơ quan, đơn vị cơ sở thực hiện việc cấp phát hiện vật được cấp đổi, cấp lại cho cá nhân, tập thể là 10 ngày làm việc kể từ ngày Cục Tuyên huấn thông báo, bàn giao hiện vật khen thưởng được cấp đổi, cấp lại cho đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ.

4. Hồ sơ đề nghị có 01 bộ, gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng (Mẫu số 2.1 và 2.2 Phụ lục II kèm theo Thông tư này);

b) Công văn đề nghị cấp đổi, cấp lại của thủ trưởng đơn vị;

c) Danh sách đề nghị cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng (Mẫu số 2.3 Phụ lục II kèm theo Thông tư này).

5. Hiện vật cấp đổi, cấp lại

a) Hiện vật khen thưởng cấp đổi, cấp lại thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng do Cục Tuyên huấn chịu trách nhiệm cấp đổi, cấp lại, mua sắm, in ấn theo mẫu quy định. Mẫu bằng cấp đổi, cấp lại in theo thiết kế tại thời điểm cá nhân, tập thể được khen thưởng, trong đó phía dưới bên phải bằng in sẵn mẫu con dấu và chữ ký của người có thẩm quyền khen thưởng tại thời điểm khen thưởng; phía dưới bên trái bằng ghi “Quyết định khen thưởng số, ngày, tháng, năm” và ghi “chứng nhận cấp đổi (cấp lại) bằng số, ngày, tháng, năm” của Bộ Quốc phòng.

b) Hiện vật khen thưởng cấp đổi, cấp lại thuộc thẩm quyền của thủ trưởng đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ do cơ quan tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị chịu trách nhiệm mua sắm, in ấn theo mẫu quy định. Mẫu bằng cấp đổi, cấp lại in theo thiết kế tại thời điểm cá nhân, tập thể được khen thưởng, trong đó phía dưới bên phải bằng in sẵn mẫu con dấu và chữ ký của người có thẩm quyền khen thưởng tại thời điểm khen thưởng; phía dưới bên trái bằng ghi “Quyết định khen thưởng số, ngày, tháng, năm” và ghi “chứng nhận cấp đổi (cấp lại) bằng số, ngày, tháng, năm” của đơn vị.

6. Cục Tuyên huấn, cơ quan tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị có trách nhiệm thanh lý hoặc xử lý, tiêu hủy hiện vật khen thưởng thu lại do cấp đổi, cấp lại theo quy định.

Điều 70. Thủ tục, hồ sơ hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và thủ trưởng đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ

1. Cá nhân, tập thể có hành vi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật số 06/2022/QH15 bị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc cá nhân, tập thể có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật số 06/2022/QH15, đơn vị đã trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có 01 bộ, gồm:

- a) Tờ trình đề nghị thu hồi danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng;
- b) Báo cáo tóm tắt của đơn vị trực tiếp trình khen thưởng về lý do hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (kèm theo Quyết định khen thưởng).

4. Cục Tuyên huấn tổng hợp hồ sơ, trình Thủ trưởng Tổng cục Chính trị xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xét, quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

5. Cơ quan tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ tổng hợp hồ sơ, trình thủ trưởng đơn vị xem xét, hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của thủ trưởng đơn vị.

6. Thời hạn tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 71. Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng, cá nhân, tập thể bị hủy bỏ quyết định khen thưởng có trách nhiệm nộp lại hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận cho đơn vị đã trình khen thưởng.

2. Cục Tuyên huấn, cơ quan tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị có trách nhiệm đôn đốc cá nhân, tập thể nộp lại hiện vật khen thưởng đúng thời hạn và tổ chức thu hồi theo quy định; tiền thưởng bị thu hồi được nộp vào quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

Chương VII

CÔNG NHẬN HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ, HIỆU QUẢ ÁP DỤNG, KHẢ NĂNG NHÂN RỘNG CỦA SÁNG KIẾN, PHẠM VI ẢNH HƯỞNG CỦA NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều 72. Công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể

Công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Bộ Quốc phòng.

Điều 73. Công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến, phạm vi ảnh hưởng của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Đơn vị đề nghị khen thưởng thực hiện đánh giá, xác nhận, lập hồ sơ và đề nghị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến, phạm vi ảnh hưởng của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bằng văn bản.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến, phạm vi ảnh hưởng của nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đối với cá nhân, tập thể đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước.

Chương VIII

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG, TỔ THI ĐUA - KHEN THƯỞNG; KHÓI, CỤM THI ĐUA

Mục 1

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG, TỔ THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

Điều 74. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Quốc phòng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Quốc phòng là cơ quan tham mưu, tư vấn Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về công tác thi đua, khen thưởng trong Quân đội.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 75. Hội đồng, tổ thi đua - khen thưởng cơ quan, đơn vị

1. Tổ chức

a) Đơn vị từ cấp trung đoàn, lữ đoàn và tương đương đến đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ thành lập hội đồng thi đua - khen thưởng.

b) Đơn vị từ cấp đại đội, tiểu đoàn và tương đương; ban chỉ huy quân sự cấp xã; phòng, khoa và tương đương có tổ chức đảng là đảng bộ cơ sở hoặc có quân số từ 30 người trở lên thành lập tổ thi đua - khen thưởng.

c) Hội đồng, tổ thi đua - khen thưởng do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập.

2. Chức năng

Tham mưu, tư vấn cấp ủy đảng, chính ủy, chính trị viên, người chỉ huy cùng cấp về công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn

a) Đề xuất cấp ủy đảng, chính ủy, chính trị viên, người chỉ huy cùng cấp về phương hướng, mục tiêu, nội dung, chỉ tiêu, biện pháp thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị.

b) Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị của cấp trên và cấp mình về công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị.

c) Định kỳ đánh giá kết quả công tác thi đua, khen thưởng; tham mưu sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị.

d) Tham mưu, tư vấn cấp ủy đảng, chính ủy, chính trị viên, người chỉ huy cùng cấp xem xét, quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Thành phần

a) Chủ tịch hội đồng, tổ trưởng tổ thi đua - khen thưởng do chính ủy, chính trị viên hoặc bí thư cấp ủy, chỉ bộ đảm nhiệm. Đối với Ban Cơ yếu Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng do Trưởng ban đảm nhiệm.

b) Phó chủ tịch thường trực hội đồng do phó chính ủy, chính trị viên phó đảm nhiệm. Đối với Ban Cơ yếu Chính phủ, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng do một đồng chí Phó Trưởng ban đảm nhiệm; đối với các tổng công ty, công ty, nhà máy, xí nghiệp, phó chủ tịch thường trực hội đồng thi đua - khen thưởng do thủ trưởng đơn vị quyết định.

c) Phó chủ tịch hội đồng, tổ phó tổ thi đua - khen thưởng do một đồng chí chỉ huy cùng cấp đảm nhiệm.

d) Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng do đồng chí Cục trưởng Cục Chính trị đảm nhiệm. Ban Cơ yếu Chính phủ, Phó Chủ tịch Hội đồng do đồng chí Cục trưởng Cục Chính trị - Tổ chức đảm nhiệm.

đ) Ủy viên thường trực hội đồng do đồng chí Chủ nhiệm Chính trị đảm nhiệm.

e) Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Ủy viên thường trực Hội đồng do đồng chí Phó Cục trưởng Cục Chính trị đảm nhiệm. Ban Cơ yếu Chính phủ, Ủy viên thường trực Hội đồng do đồng chí Phó Cục trưởng Cục Chính trị - Tổ chức đảm nhiệm.

g) Các ủy viên khác do thủ trưởng đơn vị quyết định.

5. Số lượng

a) Hội đồng thi đua - khen thưởng đơn vị cấp trung đoàn, lữ đoàn và tương đương không quá 15 thành viên; bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, sư đoàn và tương đương không quá 17 thành viên; đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ không quá 21 thành viên.

b) Tổ thi đua - khen thưởng cấp đại đội, phòng, khoa và tương đương; ban chỉ huy quân sự cấp xã không quá 05 thành viên; cấp tiểu đoàn và tương đương không quá 07 thành viên.

6. Chế độ kiểm tra

a) Hội đồng thi đua - khen thưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng các đơn vị thuộc quyền mỗi năm 02 lần.

b) Hội đồng thi đua - khen thưởng bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, sư đoàn và tương đương kiểm tra, chấm điểm công tác thi đua, khen thưởng các đơn vị thuộc quyền mỗi quý 01 lần.

c) Hội đồng thi đua - khen thưởng cấp lữ đoàn, trung đoàn và tương đương kiểm tra, chấm điểm công tác thi đua, khen thưởng các đơn vị thuộc quyền mỗi tháng 01 lần.

d) Tổ thi đua - khen thưởng ban chỉ huy quân sự cấp xã, tiểu đoàn, phòng, khoa và tương đương kiểm tra, chấm điểm thi đua các đơn vị thuộc quyền mỗi tuần 01 lần.

đ) Tổ thi đua - khen thưởng cấp đại đội và tương đương kiểm tra, chấm điểm thi đua hằng ngày.

e) Đối với đơn vị cấp lữ đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội và tương đương đóng quân phân tán, thực hiện nhiệm vụ có tính chất đặc thù, căn cứ đặc điểm tình hình, điều kiện của đơn vị, thủ trưởng đơn vị cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng quy định thực hiện chế độ kiểm tra cho phù hợp.

g) Ngoài chế độ kiểm tra định kỳ, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ, hội đồng, tổ thi đua - khen thưởng có thể kiểm tra đột xuất.

7. Chế độ hội họp

a) Hội đồng thi đua - khen thưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ mỗi năm họp 02 lần.

b) Hội đồng thi đua - khen thưởng bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, sư đoàn và tương đương mỗi quý họp 01 lần.

c) Hội đồng thi đua - khen thưởng cấp lữ đoàn, trung đoàn và tương đương mỗi tháng họp 01 lần.

d) Tổ thi đua - khen thưởng ban chỉ huy quân sự cấp xã, tiểu đoàn, phòng, khoa và tương đương mỗi tuần họp (hội ý) một lần; tổ thi đua - khen thưởng cấp đại đội hội ý hằng ngày.

đ) Ngoài các phiên họp thường kỳ, hội đồng, tổ thi đua - khen thưởng họp đột xuất khi cần thiết.

e) Thời gian, nội dung, tài liệu họp hội đồng được thông báo, gửi đến các thành viên hội đồng trước ít nhất 03 ngày.

8. Đối với các đơn vị khung thường trực, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tiễn, thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng quy định thành phần, số lượng hội đồng, tổ thi đua - khen thưởng.

9. Hội đồng, tổ thi đua - khen thưởng các cấp ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của hội đồng, tổ thi đua - khen thưởng cấp mình.

Điều 76. Cơ quan thường trực hội đồng thi đua - khen thưởng các cấp

1. Nhiệm vụ, quyền hạn

a) Xây dựng chương trình công tác, kế hoạch hoạt động của hội đồng, trình chủ tịch hội đồng ký ban hành.

- b) Chuẩn bị nội dung, làm công tác tổ chức trong cuộc họp hội đồng.
- c) Tổng hợp, dự thảo báo cáo kết quả công tác thi đua, khen thưởng, xác định phương hướng, nội dung công tác thi đua, khen thưởng; kết quả phong trào thi đua theo chuyên đề, theo đợt được triển khai trong đơn vị.
- d) Tham mưu hội đồng xét, đề nghị khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.
- đ) Tổ chức triển khai thực hiện kết luận của chủ tịch hội đồng; thường trực giải quyết các công việc của hội đồng.
- e) Thực hiện nhiệm vụ khác khi được chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng thi đua - khen thưởng giao.

2. Thành phần

- a) Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Quốc phòng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.
- b) Cơ quan thường trực hội đồng thi đua - khen thưởng từ cấp trung đoàn và tương đương đến đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng là cơ quan chính trị cùng cấp. Chủ nhiệm chính trị là thủ trưởng cơ quan thường trực hội đồng.
- c) Đối với Ban Cơ yếu Chính phủ, Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng là Cục Chính trị - Tổ chức. Cục trưởng Cục Chính trị - Tổ chức là thủ trưởng Cơ quan thường trực Hội đồng.

3. Chế độ hội họp

- a) Cơ quan thường trực hội đồng họp trước mỗi kỳ họp của hội đồng.
- b) Ngoài các phiên họp thường kỳ, cơ quan thường trực hội đồng có thể họp đột xuất khi cần thiết.

Điều 77. Ban thư ký, thư ký hội đồng, tổ thi đua - khen thưởng các cấp

1. Nhiệm vụ, quyền hạn

- a) Giúp cơ quan thường trực hội đồng và hội đồng dự thảo chương trình, kế hoạch hoạt động của hội đồng; tổng hợp, dự thảo báo cáo kết quả công tác thi đua, khen thưởng, xác định phương hướng, nội dung công tác thi đua, khen thưởng; kết quả phong trào thi đua theo chuyên đề, theo đợt được triển khai trong đơn vị.
- b) Chuẩn bị nội dung, tài liệu, làm công tác tổ chức cuộc họp cơ quan thường trực hội đồng.
- c) Tổng hợp ý kiến thành viên hội đồng; soạn thảo các văn bản kết luận của hội đồng.
- d) Thực hiện nhiệm vụ khác khi được chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng thi đua - khen thưởng giao.

2. Thành phần

a) Ban thư ký Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Quốc phòng do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.

b) Ban thư ký, thư ký hội đồng thi đua - khen thưởng, thư ký tổ thi đua - khen thưởng các cấp do thủ trưởng đơn vị quyết định.

3. Chế độ hội họp

a) Ban thư ký hội đồng họp trước khi cơ quan thường trực hội đồng họp.

b) Ngoài các phiên họp thường kỳ, ban thư ký có thể họp đột xuất khi cần thiết.

Mục 2

KHỐI, CỤM THI ĐUA

Điều 78. Tổ chức khối, cụm thi đua

1. Căn cứ tổ chức, biên chế, chức năng, nhiệm vụ, địa bàn đóng quân để tổ chức khối, cụm thi đua cho phù hợp. Khối, cụm thi đua được tổ chức từ đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ đến đơn vị cấp trung đoàn và tương đương; khối, cụm thi đua các ban chỉ huy quân sự cấp xã.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định thành lập khối thi đua các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ.

3. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ, thủ trưởng bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn và tương đương quyết định thành lập khối, cụm thi đua trực thuộc cơ quan, đơn vị mình. Khối, cụm thi đua các ban chỉ huy quân sự cấp xã, do Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố thành lập.

Điều 79. Nhiệm vụ của khối, cụm thi đua

1. Xây dựng, ban hành quy chế hoạt động.

2. Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động thi đua.

3. Xác định nội dung, chỉ tiêu, biện pháp thi đua; phát động, ký giao ước thi đua.

4. Kiểm tra kết quả thực hiện phong trào thi đua trong khối, cụm thi đua; xếp loại các đơn vị trong khối, cụm thi đua.

5. Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua 6 tháng, hằng năm; đề ra phương hướng, nhiệm vụ tổ chức phong trào thi đua của khối, cụm thi đua; trao đổi kinh nghiệm, xây dựng mô hình thi đua, điển hình tiên tiến để tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

6. Tổ chức bình chọn, suy tôn tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong khối, cụm thi đua để đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua trong tổng kết phong trào thi đua hằng năm, giai đoạn.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 80. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2026 và thay thế Thông tư số 118/2023/TT-BQP ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn thi đua, khen thưởng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản mới ban hành.

Điều 81. Điều khoản chuyển tiếp

Hồ sơ đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ tiếp nhận trước ngày 01 tháng 10 năm 2026 thì xử lý theo quy định chuyển tiếp của Luật số 06/2026/QH16; trường hợp áp dụng quy định mới có lợi hơn thì áp dụng quy định mới theo Luật.

Điều 82. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục Chính trị triển khai thực hiện Thông tư này; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong Quân đội, Ban Cơ yếu Chính phủ.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Tổng cục Chính trị) để xem xét, giải quyết. *Đu*

Nơi nhận:

- Đ/c Bộ trưởng BQP;
- Đ/c Chủ nhiệm TCCT;
- Đ/c TTTM, Thứ trưởng BQP;
- Các đ/c Thứ trưởng BQP;
- Bộ Nội vụ;
- Ban TĐKT Trung ương;
- Bộ Tổng Tham mưu;
- Tổng cục Chính trị;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP⁵⁴;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- Các Thành viên HĐTĐKT BQP²⁰;
- Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật/Bộ Tư pháp;
- C79, C12³, C15, C69, C42, C35, C49;
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử BQP (để đăng tải);
- Lưu: VT, NCTH. Tam102.

BỘ TRƯỞNG



Đại tướng Phan Văn Giang

Phụ lục I**MẪU TRÌNH BÀY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN
QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG**

(Kèm theo Thông tư số 155/2026/TT-BQP ngày 01 tháng 10 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

STT	Mẫu	Nội dung
1	Mẫu số 1.1	Mẫu văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng (đối với tập thể)
2	Mẫu số 1.2	Mẫu văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng (đối với cá nhân)
3	Mẫu số 1.3	Mẫu Tờ trình đề nghị điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng
4	Mẫu số 1.4	Mẫu danh sách đề nghị điều chỉnh thông tin quyết định khen thưởng

Mẫu số 1.1

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...
V/v đề nghị điều chỉnh thông tin
quyết định khen thưởng

(Địa danh), ngày...tháng...năm...

Kính gửi¹:

Tên tập thể đề nghị điều chỉnh²:

Thuộc/trực thuộc³:

Địa chỉ hiện nay:

Điện thoại liên hệ:

Đã được tặng thưởng⁴:

Theo Quyết định số⁵:

Đơn vị trình khen⁶:

Thông tin khen thưởng bị sai⁷:

Đề nghị điều chỉnh thông tin thành⁸:

(Có bằng của danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được tặng thưởng kèm theo).

(Tên tập thể đề nghị điều chỉnh) cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai, xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Tên đơn vị đã trình khen;

² Tên đơn vị đề nghị điều chỉnh;

³ Tên đơn vị cấp trên trực tiếp;

⁴ Ghi rõ danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

⁵ Ghi rõ ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành quyết định khen thưởng;

⁶ Ghi tên đơn vị đã trình cấp có thẩm quyền khen thưởng cho tập thể trước đây;

⁷ Ghi cụ thể những thông tin bị sai trong quyết định khen thưởng;

⁸ Ghi thông tin đúng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ
ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG

Kính gửi¹:.....

Tên cá nhân đề nghị điều chỉnh²:.....

Số CCCD:

Đề nghị cho³:

Chức danh/Chức vụ, đơn vị công tác⁴:

Địa chỉ hiện nay:.....

Điện thoại liên hệ:.....

Đã được tặng thưởng⁵:.....

Theo Quyết định số⁶:

Đơn vị trình khen⁷:

Thông tin khen thưởng bị sai⁸:

Đề nghị điều chỉnh thông tin thành⁹:

(Có bằng của danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được tặng thưởng kèm theo).

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

(Địa danh), ngày...tháng...năm...

Người đề nghị

(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Tên đơn vị đã trình khen;

² Ghi tên của người đề nghị điều chỉnh nếu thân nhân đề nghị cho đối tượng được khen thưởng; ghi tên đối tượng được đề nghị khen thưởng nếu cá nhân đề nghị điều chỉnh cho bản thân;

³ Ghi tên đối tượng khen thưởng cần điều chỉnh;

⁴ Ghi theo chức vụ/chức danh/đơn vị công tác khi được khen thưởng; không ghi theo chức vụ/chức danh/đơn vị công tác mới.

⁵ Ghi rõ danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

⁶ Ghi rõ ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành quyết định khen thưởng;

⁷ Ghi tên đơn vị đã trình cấp có thẩm quyền khen thưởng cho cá nhân, hộ gia đình trước đây;

⁸ Ghi cụ thể những thông tin bị sai trong quyết định khen thưởng;

⁹ Ghi thông tin đúng.

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TTTr-...

Địa danh, ngày...tháng...năm...

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị điều chỉnh thông tin Quyết định khen thưởng

Kính gửi:

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16;

Căn cứ Thông tư số 155/2026/TT-BQP ngày 01/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn thi đua, khen thưởng trong Quân đội nhân dân Việt Nam;

(Đơn vị¹) kính đề nghị.....² xem xét, điều chỉnh thông tin Quyết định khen thưởng (đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ Quốc phòng) đối với ... trường hợp. Cụ thể như sau:

1.

2.

(Có hồ sơ, danh sách kèm theo)

Hoặc trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, điều chỉnh thông tin Quyết định khen thưởng (đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng) đối với trường hợp. Cụ thể như sau:

1.

2.

(Có hồ sơ, danh sách kèm theo)

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Đơn vị đã trình khen thưởng;

² Người có thẩm quyền quyết định khen thưởng;

Mẫu số 1.4

DANH SÁCH
ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN TRONG QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG
(Kèm theo Tờ trình số...ngày... tháng...năm...của...)

TT	Số văn bản/tờ trình đề nghị khen thưởng trước đây (nếu có)	Thông tin theo quyết định khen thưởng				Thông tin khen thưởng bị sai	Nội dung Thông tin đề nghị điều chỉnh	Bảng của các danh hiệu, hình thức khen thưởng kèm theo
		Danh hiệu thi đua/ Hình thức khen thưởng	Tên đối tượng được khen thưởng	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác	Số quyết định khen thưởng, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành quyết định khen thưởng			

Phụ lục II**MẪU TRÌNH BÀY ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI,
CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG**

*(Kèm theo Thông tư số: 155/2026/TT-BQP ngày 01 tháng 10 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)*

STT	Mẫu	Nội dung
1	Mẫu số 2.1	Văn bản đề nghị cấp đổi/cấp lại hiện vật khen thưởng của tập thể
2	Mẫu số 2.2	Văn bản đề nghị cấp đổi/cấp lại hiện vật khen thưởng của cá nhân
3	Mẫu số 2.3	Danh sách đề nghị cấp đổi/cấp lại hiện vật khen thưởng

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ...

Số:...

V/v đề nghị cấp đổi/cấp lại
hiện vật khen thưởng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày ...tháng...năm...

Kính gửi¹:

Tên tập thể đề nghị cấp đổi/cấp lại²:

Trực thuộc³:

Địa chỉ hiện nay:

Điện thoại liên hệ:

Đã được tặng thưởng⁴:

Theo Quyết định số⁵: ngày tháng năm

Của⁶:

Đơn vị trình khen⁷:

Lý do cấp đổi/cấp lại⁸:

Hiện vật xin cấp đổi/cấp lại⁹:

1.....

2.....

(Có hiện vật xin cấp đổi kèm theo đối với trường hợp đề nghị cấp đổi) (tên đơn vị đề nghị cấp đổi/cấp lại) cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai đơn vị xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

¹ Tên đơn vị đã trình khen thưởng;

² Ghi tên của tập thể được khen thưởng;

³ Ghi tên đơn vị cấp trên trực tiếp;

⁴ Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua;

⁵ Ghi số quyết định, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng;

⁶ Ghi tên cơ quan ban hành quyết định khen thưởng hoặc thẩm quyền khen ghi trên bằng;

⁷ Đơn vị trình khen: Ghi tên cơ quan, đơn vị đã trình khen cho đối tượng được khen thưởng trước đây;

⁸ Ghi hư hỏng, thất lạc hoặc ghi in sai bằng;

⁹ Ghi bằng, Cờ thi đua, huy hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quân, Kỷ niệm chương của Bộ Quốc phòng... (có nhu cầu cấp đổi hiện vật khen thưởng gì thì ghi tên hiện vật khen thưởng đó).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI/CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

Kính gửi:

Tên cá nhân, hộ gia đình đề nghị cấp đổi/cấp lại¹:

Số CCCD hoặc CMND

Cấp đổi cho²:

Quê quán/chức vụ, đơn vị công tác³:

Địa chỉ hiện nay:

Điện thoại liên hệ:

Đã được tặng thưởng⁴:

Theo Quyết định số⁵: ngày tháng năm

Của⁶:

Đơn vị trình khen⁷:

Lý do cấp đổi/cấp lại⁸ :

Hiện vật xin cấp đổi/cấp lại⁹:

1

2

(Có hiện vật xin cấp đổi kèm theo đối với trường hợp đề nghị cấp đổi)

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

(Địa danh), ngày tháng năm...

Người đề nghị

Ký, ghi rõ họ và tên

¹ Ghi tên của người đề nghị cấp đổi/cấp lại nếu là thân nhân đề nghị cấp đổi/cấp lại cho đối tượng được khen thưởng. Ghi tên đối tượng được khen thưởng nếu đối tượng được khen thưởng đề nghị cấp đổi/ cấp lại cho bản thân. Ghi tên người đại diện hộ gia đình nếu đề nghị cấp đổi/ cấp lại cho hộ gia đình.

² Ghi tên đối tượng được khen thưởng cần cấp đổi/ cấp lại.

³ Ghi theo địa danh/chức vụ, đơn vị khi được khen thưởng; ghi địa chỉ hộ gia đình nếu đề nghị cấp đổi/ cấp lại cho hộ gia đình.

⁴ Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua.

⁵ Ghi số quyết định, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng.

⁶ Ghi tên cơ quan ban hành quyết định khen thưởng hoặc thẩm quyền khen ghi trên bằng.

⁷ Đơn vị trình khen: Ghi tên cơ quan, đơn vị đã trình khen cho đối tượng được khen thưởng trước đây.

⁸ Ghi hư hỏng, thất lạc hoặc ghi in sai bằng.

⁹ Ghi bằng, huy hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quân, Kỷ niệm chương của Bộ Quốc phòng... (có nhu cầu cấp đổi hiện vật khen thưởng gì thì ghi tên hiện vật khen thưởng đó).

[illegible]